

10 - Một điểm Phật tính trong Truyện Kiều

Đông Hồ

Xưa nay, nói đến văn chương Việt Nam, mọi nhà phê bình, toàn thể, đều bằng lòng công nhận Truyện Kiều là áng văn kiệt tác. Giữa rặng văn học, tác phẩm như một ngọn cô phong độc tú. Chẳng những trên phương diện văn học nghệ thuật, trên phương diện nhân sinh xã hội, mà trên phương diện triết lý nói chung, Phật giáo nói riêng, cũng cho chúng ta thấy tác giả. Tố Như Nguyễn Tiên Điền, quả thật là một nhà thơ thiên tài bách luyện.

Xưa nay, mọi người đều biết Truyện Kiều là một chuyện phong tình. Nhân vật chủ động trong truyện là một cô gái trắng hoa. Nhưng điều làm cho chúng ta ngạc nhiên là Nguyễn Du đã xây dựng tác phẩm của mình trên triết lý giản dị, trên tín ngưỡng phổ thông của Phật giáo. Đành rằng cốt các chuyện là sẵn của Thanh Tâm Tài Nhân đời Minh, nhưng yếu tố chính phải là có ngòi bút sâu sắc tài tình của nhà thơ Hà Tĩnh. Và các truyện Nôm của ta như Hoa tiên, Nhị độ mai, Phan Trần, Lâm Tuyền kỳ ngộ v.v... chuyện nào không là cốt truyện Tàu, nhưng vì tác giả các truyện đó không sánh kịp Tố Như mà Truyện Kiều vượt bậc.

Nhưng mà thôi, vấn đề đó không thuộc vào câu chuyện hôm nay. Ở đây, chúng ta trở lại để tìm thưởng thức mùi thiền và mùi đạo, đã phảng phất từ cảnh Vườn Lãm Thùy lan truyền cho đến dòng nước Tiên Đường. Chúng ta không cần bàn rộng đến thuyết nhân quả, đến nghiệp “Karma” của nhà Phật, mà Nguyễn Du đã áp dụng, chứng minh trong truyện, đúng hay là không đúng. Mà chỉ biết rằng nhân vật chính của tác giả là nàng Thúy Kiều đã sống trong nếp tin tưởng đó. Bất kỳ lúc nào, nàng Kiều cũng thấy mình bị bao vây bằng một vòng lưới tức khiến nghiệt chướng, không thoát được; rồi lại, cũng nhờ dựa vào nhân quả nghiệp duyên mà sống, sống nổi, mặc dầu sống trong kiếp yên hoa luân lạc, do tổ chức xấu xa của xã hội gây nên.

Nàng Kiều không phải sống với Kim Trọng, không phải sống với Thúc Sinh, cũng không phải sống với Từ Hải, mà thực sự thì nàng đã sống với hai nhân vật do học thuyết nhà Phật tạo nên. Một là hồn ma Đạm Tiên, hai là sư bà Giác Duyên. Đời nàng Kiều, cứ y như hễ gặp lúc khó khăn, không giải quyết được, thì có hai nhân vật đó xuất hiện, vẽ nẻo chỉ đường, vạch cho một lối thoát.

Hồn ma Đạm Tiên đã xuất hiện ba lần trong đời nàng Kiều:

Một lần, buổi chiều ngày Thanh minh, bắt đầu đến để trước bạ tên nàng vào sổ đoạn trường:

*Âu đành quả kiếp nhân duyên,
Cũng người một hội một thuyền đầu xa.*

Lần thứ hai, đến để ngăn, không cho nàng chết, khi liêu mạng với Tú Bà, bắt nàng phải sống mà trả cho hết tiền căn nghiệp báo:

*Rĩ rằng: nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao.*

Và một lần thứ ba, đến để giữ sổ cho nàng:

*Đoạn trường sổ rút tên ra,
Đoạn trường thơ phải đốn mà trả nhau.*

Còn sư bà Giác Duyên, cũng ba lần đến với nàng:

Một lần, cho nàng nướng náu ở Chiêu Ân Am khi nàng lỡ bước sẩy lời.

Lần thứ hai, ở doanh trại tướng quân Từ Hải, để chứng kiến kết quả của ân của oán, và cũng để thông báo trước lời tiên định của Tam Hạp Đạo cô.

Rồi lần thứ ba đến cứu vớt nàng ra khỏi trầm luân sông nước Tiền Đường, để cho nạn xưa trút sạch.

Những việc trên đó, ai mà không biết, cần chi phải kể lẽ dài dòng. Đành vậy, nhưng mà có nhắc lại, có nêu lên từng tình sự, từng chi tiết, mới thấy cả một thiên tình sử thi vị của Nguyễn Du lúc nào cũng chứa chan thiên vị.

Tôi không võ đoán và cũng không lập dị đâu. Ngay bắt đầu, chỗ hội Đạp Thanh, trong tiết Thanh minh, để dọn cho việc Thúy Kiều tiếp xúc với hồn ma Đạm Tiên, tác giả đã bắt nhân vật của mình nhìn thấy cảnh vật chung quanh khác với mắt nhìn của khách du xuân “đỏ lá tìm hoa”. Trong cảnh “cỏ non xanh rợn chân trời, cành lê trắng điểm” mà lại xen vào đó cảnh “rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh”. Trong cảnh nhộn nhịp tung bùng “đập đều tài tử giai nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm” mà lại xen vào đó cảnh “sè sè nấm đất bên đường vắng tanh hương khói”. Tiếp theo là cảnh chiều tà bóng xế, ám khí nặng nề:

*Kiều rằng: “Những đáng tài hoa,
Thác là thể phách còn là tinh anh.
Đã hay tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ”.
Một lời nói chứa kịp thừa,
Phút đâu ngọn gió cuốn cờ đến ngay.
Ào ào đổ lộc rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đề chừng ngọn cỏ lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành rành,
Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: Này thật tin thành chẳng xa,
Hữu tình ta lại gặp ta,
Chớ nề u hiển mới là chị em”.*

Độc đoạn văn vừa trích dẫn, có phải y như chúng ta đang nghe thấy cảnh u ám bi thu, thể lương thảm đạm của ngày lễ Vu Lan:

*Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi may lạnh buốt xương khô.
Nỗi lòng thay cảnh chiều thu,*

*Ngàn lau nhuộm bạc giếng ngô rụng vàng.
Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Ngọn đường lê lác đặc sương sa.
Lòng nào lòng chẳng xót xa,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm.
Trong trường dạ, tối tăm trời đất,
Có khôn thiêng phảng phất u minh.
Thương thay thập loại chúng sinh,
Phách đờn hồn chiếc linh đình quê người.
Hương khói đã không nơi nương tựa,
Phận mồ cõi lán lửa đêm đen.
Còn chi ai khó ai hèn,
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.*

Mấy câu trong bài văn “Chiêu hồn” của tác giả Đoàn trường tân thanh dẫn ra trên đó, đã có khác gì nhau với đoạn văn trước mà Đạm Tiên.

Bắt đầu Truyện Kiều, trong những điếm văn chương và tâm lý mâu thuẫn đó, chúng ta đã thấy có mùi thiền mùi đạo rồi.

Rồi thì từ đó về sau, hãy còn bao nhiêu lần nữa, chúng ta thử theo bước thi sĩ Tô Như đi vãng cảnh chùa chiền.

Văn Truyện Kiều thật là đột ngột. Đang giữa tiết tháng Ba thanh minh quang đăng, bỗng có cảnh tháng Bảy sương sa cỏ áy sứt sùi ; ngay trong cảnh vườn nhà họ Hoạn ác nghiệt, đánh đá chua ngoa, bỗng xuất hiện cảnh bác ái từ bi của Quan âm các:

*Sẵn Quan âm các vườn ta,
Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa,
Có cỏ thụ có sơn hồ,
Cho nàng ra đó giữ chùa chếp kinh.*

Tuy biết rằng đó cũng là một cách Hoạn Thư giam lỏng nàng Kiều, bắt nàng và Thúc Sinh phải thường trực chịu đựng trong cảnh:

*Gác kinh viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.*

Nhưng mà thực sự, Hoạn Thư đã đưa tay tế độ và trong thâm tâm đã mở cho nàng Kiều một đường phương tiện:

*Nghìn xưa âu cũng thế này,
Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.
Tiểu thư rằng ý trong tờ,
Rắp đem mạng bạc nương nhờ cửa không.*

Cho nên, mặc dầu tiếng là bị giam cầm đó, mà cảnh ngục tù êm đềm mát mẻ biết chừng nào. Ngoài phong cảnh thực hiện, “có cỏ thụ có sơn hồ”, Hoạn Thư đã lo liệu thực là chu đáo:

*Tâng tâng trời mới bình minh,
Hương hoa ngũ cúng sấm sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật đường,
Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyên.
Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân Thu cắt sẵn hai tên hương trà.*

Giữ chùa chép kinh, trong cảnh thanh thoi thanh nhàn đó, lại có thêm cả hai cô tiểu Xuân Thu hầu hạ hương trà khuya sớm, thì dầu trong cảnh “quan phòng then nhật khoá mau” nữa, ai mà không muốn tu cho trót, hưởng chi là nàng Kiều đang giữa lúc chán chường:

*Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Đường gần vườn tía đường xa bụi hồng.
Nhân duyên đâu lại còn mong,
Khỏi điều then phấn tui hồng thì thôi.
Phật tiền thăm lớp sàu vùi.
Ngày pho thủ tự đêm nôi tâm hương.
Cho hay giọt nước cành dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.*

Tất chúng ta lấy làm lạ, tại sao mà Hoạn Thư con gái quan Thượng Thư Lại Bộ đương thời, sẵn sàng mọi quyền hành sanh sát trong tay, lại phải chịu khó phục vụ người tình địch của mình, chu tất ân cần đến như vậy. Thật là khác hẳn với tâm địa hiểm sâu và hành vi cay nghiệt của tiểu thư trước kia, hồi mới bắt được Thuý Kiều, Hoạn Thư đã nhất quyết hành hạ cho đến nước:

*Làm cho, cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi.
Trước cho bõ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.
Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đày đọa cắt đầu chẳng lên.*

Chắc có người nghĩ rằng phải tạo nên ngoại cảnh ở Quan âm các đó mới đánh bẫy được chàng Thúc và cô Kiều, cho hai đàng đều không lưu tâm e ngại, mà lấp lửng thừa ư.

Để đến một hôm, tiểu thư thử vắng nhà quả nhiên cả Thúc Lang và Trạc Tuyên đều mắc vào bẫy đã giương:

Tiểu thư phải buổi vắng an lại nhà.

tức thì:

*Thừa cơ, Sinh mới lên ra,
Xăm xăm đến chốn vườn hoa với nàng.*

...

Tôi thì nghĩ khác. Hoạn Thư bấy giờ đã nguôi cơn ghen tức. Chẳng những cơn ghen tức đến lúc đó mới nguôi, mà chắc rằng đã nguôi từ khi:

*Giọt rông canh đã điếm ba,
Tiểu thư nhìn mặt đường đà cam tâm.
Lòng riêng tấp tểnh mừng thâm,
Vui này đã bỏ đau ngâm xưa nay.*

Và cũng động lòng trắc ẩn từ khi:

*Cúi đầu quỳ trước sân hoa,
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ.
Diện tiên trình với tiểu thơ,
Thoắt xem dường có ngẩn ngơ chút tình.
Liền tay trao lại Thúc Sinh,
Rằng: tài nên trọn mà tình nên thương.
Vì chẳng có số giàu sang,
Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên.
Bể trần chìm nổi thuyền duyên,
Hữu tài thương nổi vô duyên lạ đời.*

Thì việc Hoạn Thư hậu đãi Thúy Kiều ở Quan âm các là do mối từ tâm, do Phật tính vốn sẵn có của lòng người. Điều này, suy luận của tôi, đã có chứng minh:

Sau khi nghe hai chàng kể lễ:

*Rành rành kể tóc chân tơ,
Mấy lời nghe biết đã dư tỏ tường.
Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
Nỗi ông vật vã nỗi nàng thở than.*

Cho đến khi “chán tai nàng mới rẽ hoa bước vào”. Dẫu biết rằng:

*Dối quanh Sinh mới liệu lời,
Tìm hoa quá bước xem người chếp kinh.*

Mà tiểu thư vẫn cười nói ngọt ngào. Đó là tiểu thư cười nói ngọt ngào thẳng thắn. Cũng như tiểu thư đã thẳng thắn thưởng thức tài nghệ của nàng Kiều:

*Khen rằng: “Bút pháp đã tinh,
So vào thiếp Lan đình nào thua.
Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng thực cũng nên mua lấy tài”.*

Chúng ta sẽ thấy hành động phát xuất do Phật tính xui nên đó, là Hoạn Thư đã gây một cái nhân rất tốt cho mình.

Chúng ta xem đến hồi báo ân báo oán. Giữa cảnh:

*Quân trung gương lớn giáo dài,
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi.
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
Bác đồng chặt đất, tinh kỳ rợp sân.*

Chắc chắn rằng, bao nhiêu nỗi oán hờn oan khốc, bao nhiêu nỗi đau đớn e chề mà nàng Kiều chịu đựng trong mười mấy năm trời đều đổ trút tất cả lên đầu một người:

*Dưới cờ gương tuốt nắp ra,
Chánh danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.*

Chỉ nghe một tiếng chào của nàng Kiều, cũng đủ đoán được nỗi căm hờn tức tối dâng lên trong lòng nàng:

*Thoắt trông nàng đã chào thưa:
“Tiểu thư cũng có bây giờ ở đây!”.*

Tiếng chào đó quả là tiếng phán quyết cuối cùng rồi. “Bây giờ ở đây!” Trời ơi! Nghe mà khiếp đảm kinh hồn. Trước khi tuyên án, nàng Kiều cũng đã tỏ cho Thúc Sinh biết trước số phận của vợ chàng để cho chàng khỏi trách:

*Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa”.*

“Trả nghĩa” cho “mưu sâu”. Thiệt là ghê gớm. Tánh mạng của Hoạn Thư lúc đó, thật không còn có cách nào đảm bảo cho an toàn, sau bao nhiêu lời nguyền rủa tuyên bố đó.

Ấy thế mà, khi nghe Hoạn Thư nhắc đến câu:

Nghĩ cho khi Các chép kinh

thì tức khắc:

Truyền quân lệnh xuống trường tiền tha ngay!

Thật là có ai dám ngờ, bản án của Hoạn Thư được xử nhẹ nhõm dễ dàng, khoan hồng đến như thế. Chúng ta độc giả vừa mới nín hơi hồi hộp mà nghe lời kết tội của Ma Vương, thì liền đó, lại được thở ra khoan khoái nhẹ nhàng mà nghe lời tuyên án vô lượng từ bi của Đức Phật.

Chúng ta đã thấy chưa. Cái nhân lành mà Hoạn Thư gieo ở Quan âm các, là để cho tiểu thư hái được cái quả tốt ở viên môn lúc bấy giờ.

Đó là điềm Phạt tính trong Truyện Kiều mà Tô Như Nguyễn Tiên Điền đã khéo giấu giếm chúng ta, bằng một tài nghệ lão luyện, một kỹ thuật phi thường. Bắt đầu từ mối thắt:

*Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
Vào khuôn phép nói ra mối giường*

cho đến mối gỡ:

*Đã lòng tri quá thì nên,
Truyền quân lệnh xuống trước tiên tha ngay.*

Chúng ta mới thấy được dụng công kỳ diệu, trí ý thâm trầm của tay Thần Thơ trác tuyệt.